

QUYẾT ĐỊNH:

Cho phép thành lập Hội khoa học đất Việt Nam. Hội khoa học đất Việt Nam tự lo liệu mọi chi phí và phương tiện hoạt động.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Phó Chủ tịch

NGUYỄN KHÁNH

QUYẾT ĐỊNH của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 187-CT ngày 12-6-1991 về việc triển khai thực hiện kế hoạch quốc gia về môi trường và phát triển bền vững.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Xét đề nghị của Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Giao cho Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước:

a) Từng bước triển khai thực hiện « Kế hoạch quốc gia về môi trường và phát triển bền vững 1991 — 2000 » do Ủy ban Khoa học Nhà nước soạn thảo với sự tham gia của một số tổ chức quốc tế và quốc gia.

b) Chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các Bộ, các ngành, các địa phương xây dựng và thực hiện các kế hoạch về môi trường và phát triển bền vững trong các Bộ, ngành và các địa phương.

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao kêu gọi sự đầu tư, trợ giúp của các nước, các tổ chức quốc tế, khu vực, các tổ chức phi Chính phủ của các nước trong việc xây dựng và thực hiện các kế hoạch và dự án cụ thể.

Điều 2. — Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước cần định kỳ 6 tháng 1 lần báo cáo cho Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng tình hình thực hiện kế hoạch quốc gia về môi trường và phát triển bền vững ở trung ương cũng như ở các ngành và các địa phương.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Phó Chủ tịch

VÕ NGUYỄN GIÁP

CHỈ THỊ của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 194-CT ngày 20-6-1991 về sử dụng viện trợ Thụy Điển thông qua Chương trình đầu tư công nghiệp và hỗ trợ nhập khẩu.

Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng sẽ ban hành cơ chế thống nhất về quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế. Trước mắt, xuất phát từ yêu cầu sử dụng có hiệu quả viện trợ của Chính phủ Thụy Điển nhằm tạo điều kiện thúc đẩy các đơn vị sản xuất, kinh doanh hoạt động có hiệu quả và tăng thu cho ngân sách Nhà nước; đồng thời thực hiện được các thỏa thuận giữa hai Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng yêu cầu các Bộ, ngành liên quan thực hiện các nguyên tắc sau đây trong việc sử dụng tiền viện trợ Thụy Điển thuộc chương trình đầu tư công nghiệp và hỗ trợ nhập khẩu:

1. Tiền viện trợ của SIDA, trong đó có Chương trình đầu tư công nghiệp và

hỗ trợ nhập khẩu là khoản viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Thụy Điển dành cho Chính phủ Việt Nam. Toàn bộ số tiền viện trợ thuộc 2 chương trình này là nguồn thu ngân sách Nhà nước để hỗ trợ vốn ngoại tệ cho các đơn vị sản xuất, kinh doanh trong việc đổi mới công nghệ (Chương trình đầu tư công nghiệp) cũng như để nhập khẩu hàng hóa, vật tư thiết yếu (Chương trình hỗ trợ nhập khẩu), theo định hướng kế hoạch Nhà nước trong khuôn khổ chính sách tài chính, tiền tệ hiện hành.

2. Hàng năm (đối với Chương trình hỗ trợ nhập khẩu) hoặc từng thời kỳ (đối với Chương trình đầu tư công nghiệp), Ủy ban Kế hoạch Nhà nước căn cứ vào các mục tiêu và nhu cầu của nền kinh tế quốc dân và các thỏa thuận hàng năm với phía Thụy Điển xây dựng *Bản định hướng sử dụng vốn*, trong đó nêu lên danh mục các dự án ưu tiên, các mặt hàng Nhà nước khuyến khích nhập khẩu trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng phê duyệt để thông báo cho các ngành, địa phương có liên quan làm căn cứ triển khai cụ thể.

3. Bộ Tài chính có trách nhiệm ghi toàn bộ số tiền của 2 Chương trình trên vào ngân sách Nhà nước và qua hệ thống Ngân hàng để chuyển thành nguồn vốn Nhà nước hỗ trợ cho các đơn vị sản xuất, kinh doanh.

a) Đối với Chương trình đầu tư công nghiệp:

Bộ Tài chính có thể bán, hoặc cho Ngân hàng đầu tư và phát triển vay toàn bộ số tiền của quỹ này với lãi suất thích hợp. Ngân hàng đầu tư và phát triển căn cứ vào bản định hướng sử

dụng vốn đã được Chính phủ phê duyệt và các tiêu chuẩn kinh tế thương mại tiến hành việc thẩm định các dự án đề quyết định cho các đơn vị sản xuất kinh doanh vay theo thời hạn và lãi suất phù hợp với thể lệ tín dụng đầu tư. Trường hợp nhiều dự án, có thể tổ chức đấu giá để xác định đối tượng cho vay.

b) Đối với Chương trình hỗ trợ nhập khẩu:

Bộ Tài chính bán toàn bộ số ngoại tệ của Chương trình này cho Ngân hàng ngoại thương để bán lại hoặc cho các đơn vị sản xuất, kinh doanh có dự án nhập khẩu vay, theo định hướng kế hoạch Nhà nước và có hiệu quả.

4. Căn cứ vào tình hình và nhu cầu cụ thể, dành 1 tỷ lệ nhất định tiền của 2 quỹ này hỗ trợ cho các tổ chức kinh tế ngoài quốc doanh. Điều kiện cho vay hoặc bán ngoại tệ cũng áp dụng như đối với các tổ chức kinh tế quốc doanh.

Trong tài khóa 1991 - 1992, dành 25% vốn của chương trình hỗ trợ nhập khẩu cho các tổ chức kinh tế ngoài quốc doanh.

5. Ngân hàng Nhà nước chỉ đạo Ngân hàng đầu tư và phát triển và Ngân hàng Ngoại thương thu hồi vốn đã cho vay hoặc đã bán để hoàn trả ngân sách Nhà nước theo đúng thể lệ đã quy định và báo cáo Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng tình hình thực hiện (cho vay, bán và thu hồi vốn) theo từng quý và từng tài khóa.

6. Các đơn vị sản xuất kinh doanh vay vốn phải nghiêm chỉnh chấp hành các nguyên tắc và điều kiện tín dụng của Nhà nước, bảo đảm sử dụng vốn đúng mục đích và có hiệu quả kinh tế, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn. Ngân

hàng không xét đơn xin vay hoặc mua ngoại tệ từ 2 quỹ này đối với các đơn vị còn nợ quỹ hỗ trợ nhập khẩu của các tài khóa trước.

7. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước có văn bản hướng dẫn các ngành, địa phương và các tổ chức kinh tế triển khai sớm việc sử dụng tiền viện trợ của Thụy Điển tại 2 chương trình trên theo đúng các nguyên tắc đã nêu trong Chỉ thị này.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Phó Chủ tịch

VÕ VĂN KIỆT

CÁC BỘ

BỘ TƯ PHÁP

THÔNG TƯ số 276-TT/CC ngày 20-4-1991 hướng dẫn về tổ chức và quản lý công chứng Nhà nước.

Căn cứ điều 34 Nghị định số 45-HDBT ngày 27-2-1991 của Hội đồng Bộ trưởng về tổ chức và hoạt động công chứng Nhà nước, Bộ Tư pháp ra Thông tư hướng dẫn về tổ chức và quản lý công chứng Nhà nước như sau :

I - VỀ THỦ TỤC THÀNH LẬP PHÒNG CÔNG CHỨNG NHÀ NƯỚC

Các việc cần phải tiến hành chuẩn bị thành lập Phòng công chứng Nhà nước bao gồm :

1. Sở Tư pháp giúp Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương (gọi chung là tỉnh) lập đề án thành lập Phòng công chứng Nhà nước, chuẩn bị nhân sự dự kiến đề nghị bổ nhiệm công chứng viên, trao đổi với các cơ quan hữu quan của tỉnh như Ban Tổ chức chính quyền, Sở Tài chính... và trình Ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét. Đề án thành lập Phòng công chứng Nhà nước phải nêu rõ mục đích, yêu cầu của việc thành lập, nhiệm vụ cụ thể của Phòng, tổ chức biên chế, địa điểm đặt trụ sở và cơ sở vật chất của Phòng.

2. Ủy ban Nhân dân tỉnh sau khi xem xét đề án thành lập Phòng công chứng Nhà nước, có văn bản đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc thành lập Phòng công chứng Nhà nước ở địa phương. Kèm theo văn bản của Ủy ban Nhân dân tỉnh cần có : đề án thành lập Phòng công chứng Nhà nước, danh sách, hồ sơ của từng người được dự kiến bổ nhiệm làm trưởng Phòng công chứng Nhà nước và công chứng viên (hồ sơ bao gồm : sơ yếu lý lịch cán bộ có xác nhận quá trình công tác pháp luật của cơ quan chủ quản ; bản sao bằng tốt nghiệp đại học pháp lý và giấy chứng nhận sức khỏe của cơ quan y tế có thẩm quyền).

3. Sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh ra quyết định thành lập Phòng công chứng Nhà nước, bổ nhiệm trưởng phòng và công chứng viên.

4. Việc miễn nhiệm trưởng phòng công chứng Nhà nước và công chứng viên ; việc bổ nhiệm thêm công chứng viên của các Phòng công chứng Nhà nước hiện có tại địa phương cũng tiến hành theo trình tự nói trên.